HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV.# ______

VEWL.# ______

I-171 : ___Y _____ N__

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM MAC (Last) VAN (Middle) MUOI (First)

   Current Address 239 Thích Quảng Đức Q. Phú Nhuận TPHCM.

   Date of Birth 03/17/35 Place of Birth Vĩnh Long

   Previous Occupation (before 1975) Capt.
   (Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 04/75 To 04/04/81
   LENGHT (Number of years in Camp) 6

3. SPONSOR'S NAME: ______
   Name

   ______
   Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
Nguyễn văn Ri	
7707 Roger Ave. Canoga Park. CA 91304	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 **must** do so.

Date Prepared : ______

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : ______________________
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

____

____

6. ADDITIONAL INFORMATION :

số / cam
ODP : mẫu D

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
cầu hỏi cho người nộp đơn

date: 14 - 11 - 1984
ngày

A. Basic identification data
Lý lịch căn bản

1. Name — MAC - VĂN - MƯỜI
Họ, tên

2. other names — none
Họ, tên khác

3. date / Place of birth — 17-7-1935 VĨNH LONG
ngày / Nơi sinh

4. Residence address : 239 Thích quảng - Đức Phú Nhuận T.P. Hồ chí Minh
địa chỉ thường trú

5. Mailing address : 112/34T1 ĐINH - TIÊN - HOÀNG ; QUẬN BÌNH THẠNH TP. HỒ CHÍ MINH
địa chỉ thơ từ

6. Current occupation : ICE SELLING
nghề nghiệp

B. Relations to accompany me
Bà con cùng đi với tôi

(note : your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you list marital status (MS) as follows : (M) divorced (D), widowed (W), or Single (S)
(chú ý : Vợ / chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi, kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ / góa thê (W), hoặc độc thân (S)

Name Họ, Tên	date of birth ng / th / năm sinh	Place of birth Nơi sinh	sex Phái	M.S. T. trạng GĐ	Relationship Liên hệ GĐ
1. Nguyễn thị Có	24-12-1937	Kiến Hòa	Female	Married	Wife
2. Mạc thị Kiều Trang	9-1-1970	Saigon	—	S	daughter
3. Mạc quang Tú	29-6-1975	Saigon	Male	S	son

(Note : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below)
(chú ý : cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giá thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ / chồng (nếu góa phụ / góa thê), thẻ căn cước (nếu có) và hình

3. Title of (last) Positions Held
chức vụ công việc : 1 - ✓

4. agency / company / office
Sở / hãng / văn phòng : 1

5. Name of (last) supervisor ✓
Tên họ người giám thị :

6. Reason for leaving ✓
Lý do ra đi : 1

7. Training for job in Vietnam ✓
nghề nghiệp huấn luyện tại Việt Nam

F Service with GVN or RVNAF by you or your spouse
Bạn hoặc vợ / chồng đã công vụ với chính phủ Việt Nam

1. Name of person serving: MAC - VĂN - MƯỜI and
Họ tên người tham gia NGUYỄN - THỊ - CỐ

2. dates : From : 1965 to : 1975
ngày, tháng, năm Từ 1959 tới 1975

3 - Cấp bậc cuối cùng
(LAST RANK) : CAPTAIN + thư ký công chánh hạng 2

4 - Ministry / office / Military unit Radar site Tân Sơn nhất +
Bộ / Sở / đơn vị / Binh chủng Tổng Nha Kiều Lộ Saigon
(Head office Bridge & Highways)

5 - Name of supervisor / C.O. COLONEL PHAM - DUY - THAN
họ, tên người giám thị / sĩ quan (engineer) Kỹ sư Phạm - đình - Tăng
chủ hãng

6 - Reason for leaving : : To seek a new life
(Lý do ra đi)

7 - Name of american advisor (s) : CAPTAIN GALLAGHER
Họ tên cố vấn Mỹ

8. US Training Courses in VietNam :
chương trình huấn luyện Hoa Kỳ ✓
tại Việt Nam

9. US award or Certificates
giấy ban khen hoặc chứng thư do Hoa Kỳ cấp
(note : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates if available)
yes /_/ no /X/
(chú ý : xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy ban khen hoặc chứng thư nào
ghi rõ có ; không ? có /_/ không /X/

Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I;)

C. Relatives outside Việt nam
họ hàng ở ngoại quốc

1. Closest relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. name: Nguyễn Văn Ri
họ, tên

b. Relationship: Brother
Liên hệ gia đình

c. address: 7707 Royer Ave Canoga Park, CA 91304 U.S.A
địa chỉ

2. Closest relative in other foreign countries
bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name: Mme Phạm, 23 Allée F JOURDE APP 218 92000 NANTERRE FRANCE
họ, tên

D. Complete family listing (Living / dead):
danh sách toàn thể gia đình (sống chết)

	Name (Họ, tên)	address (địa chỉ)
1. Father cha	MẠC VĂN QUÍ	dead
2. Mother Mẹ	TRẦN THỊ NHUNG	dead
3. spouse vợ / chồng	NGUYỄN THỊ CÓ	191/1 Khóm 2 Phường 4, Thị Xã Bình
4. Former spouse (if any): vợ, chồng trước (nếu có)		v
5. children: con cái	(1) Mạc Thị Kiều Trang	191/1 Khóm 2 Phường 4, Thị Xã Bình
	(2) Mạc Quang Trí	191/1, Khóm 2, Phường 4, thị xã Bình
6. siblings anh chị em: (1)	none	

E EMPLOYMENT by US Government agencies or other U.S. organizations (you or your sp
Bạn hoặc vợ / chồng đã có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hãng

1. Name of person employed:
Họ tên nhân viên

2. dates From: X To
Ngày, tháng, năm từ: tới

G. TRAINING outside Vietnam of you or your spouse
bạn hoặc vợ / chồng đã huấn luyện ở ngoại quốc.

1. Name of student / trainee — MAC - VĂN - MỖI
Họ tên sinh viên / người được huấn luyện:

2. School and school address — LACKLAND A.F.B. Texas U.S.A.
KEESLER A.F.B. Mississippi U.S.A

3. dates: 1960 & 1972 — from 6 months (1972) to 1 year (1965)
(ngày, tháng, năm) — từ — tới

4. Description of course: Language school — COMMUNICATION
(mô tả ngành học) — GROUND ELECTRONIC OFFICER + staff officer

5. Who paid for training? — M.A.A.G
(ai đài thọ chương trình huấn luyện)

(Note: Please attach copies of diplomas or orders, if available? yes - No -
(chú ý: xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không?
có — Không v.

H. Reeducation of you or your spouse
bạn hoặc vợ / chồng đã học tập cải tạo

1. Name of Person in Reeducation: MAC VĂN MỖI
họ tên người đã học tập cải tạo

2. Total time in Reeducation — 7 years / năm — 4 months / tháng — days / ngày
Tổng cộng thời gian học tập cải tạo

3. Still in Reeducation? — Yes / có — No / Không v
Vẫn còn học tập cải tạo

(If released, we must have a copy of your release certificate)
nếu được thả, chúng tôi cần 1 bản sao giấy ra trại

I. Any additional remarks? all diplomas destroyed by fire during Viet cong offensive 1975. I just request a duplicate diplôme ground electronic officer and a diplôme of communication staff officer at Keesler air force base in Mississippi U.S.A. Please check this school (technical training center in Keesler, A.F.B. Biloxi (Mississippi). at Lackland AFB, I got an I.D. card (honoring citizen U.S.) signed by Governor Connolly (Texas) but I lost. I request you the grace, under your competence protection and arrangement to assist me to be evacuated in absolute priority in U.S.A. Awaiting your favour, I remain, sir, your obedient servant

signature [signature] — date 14-11-1984

J. Please list here all documents attached to this questionnaire.

- JOB PHOTOGRAPH
- My I.D. card in V.N (before 1975)
- Birth certificate all my family + Photograph
- Marriage certificate.
- Book store certificate at Keesler A.F.B (U.S.A) + land certificate at wing 74th

M A I

JEUDI Fête du Travail «THURSDAY» 121-244

Ngày 20 tháng 3 (Thiếu) Thứ Năm

RECEIVED
JUL 18 1985

Sổ card
ODP
7/12/85

Thành phố Hồ Chí Minh 08/10/84

Kính Bác!

Con kính thăm Bác và các em, nhất là chồng vợ Tuệ được mạnh giỏi và bình an. Má con và các anh chị em con đều được mạnh.

Thưa Bác đây là 02 hồ sơ về việc ra đi trong vòng trật tự của người cậu của vợ con.

Thưa Bác! vì hiện nay con đang ở bên nhà vợ con, nên kết quả đành phải làm phiền bác về chuyện của người ngoài. Gia đình con đã mang ơn bác quá nhiều, dù biết vậy con cũng dám xin bác giúp đỡ vì chuyện đơn đến cơ quan ODP để được mau chóng giải quyết. Con cám ơn bác.

Vội hàng thăm Bác và các em được mọi sự như ý nói xin xa đó.

Cháu của Bác

[signature]

Ngộ

Thư cho con bác để địa chỉ của Má con.

Bác cho em nhắn với câu cho Tuệ

Tuệ thân!

Anh thăm vợ chồng chú được mạnh khỏe. Lão ngoan đồng Chân Bà Thông của gia đình Bác Xinh vẫn như ngày nào chứ. Thỉnh thoảng bọn BĐHV phường 5 Quận 10 vẫn có gặp nhau mặc dù ít.

Anh mong thư và hình ảnh của em lắm. Chân có cho anh xem hình đám cưới của em tối.

Thăm em và thím nó mạnh

Thân thương

Ngọc

Nội

À Tuệ.

Em nhờ Mẹ hỏi lại kỹ về đơn ODP cho anh và Anh Đáng xem sao.

Anh cần để được giải quyết thì "gặp nhau" sớm. Bên nội của anh vất vả về tinh thần quá nhiều.

Ngọc

Dấu vết riêng:
-Chạm sẹo giữa bên phai sống mui,

Cao: 1 th 58 Y.
Nặng: 50 Kg.

Chữ ký đương sự:

Gia-Định, ngày 26-06- 1970
PHÓ TRƯỞNG-TY CSQG GIAĐỊNH

TRẦN-VĂN-CÔNG

Ngón trỏ mặt
Ngón trỏ trái

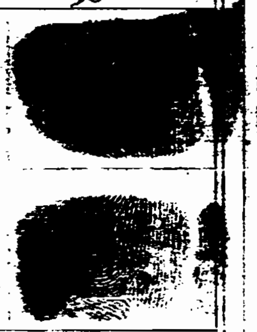

VIỆT NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số [illegible]

Họ Tên MẠC - VĂN- MƯỜI

Ngày nơi sanh 27-03-1935
Long-An, Vĩnh-Long
Cha Mạc-văn-Quí
Mẹ Trần-thị-Nhung
Địa chỉ Xã Tân-Sơn-Hòa, TB, GD.

I CERTIFY THAT THIS IS FOR MY PERSONAL USE
AND NOT FOR RESALE

KEESLER BOOK STORE

ALL SALES ARE FINAL. NO REFUNDS OR EXCHANGES ON MERCHANDISE EXCEPT ITEMS FOUND TO BE DEFECTIVE.

Customer's Order No. ________ Date 28 Oct 1972

Name Muoi, Mac Van

Address 211 78 VS CAPT.

SOLD BY	CASH	C.O.D	CHARGE	ON ACCT	MDSE RETD	PAID OUT

QUAN.	DESCRIPTION	PRICE	AMOUNT
1	Vision Cassette		
	Rec. Mod. 712		19 15
	TOTAL		19 15

All claims and returned goods MUST be accompanied by this bill

501-A

C 893

Rec d by Muoi

FLATPAKIT® Moore Business Forms, Inc.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ CÔNG-CHÁNH VÀ GIAO-THÔNG

TỔNG-CUỘC KIỀU-LỘ VIỆT-NAM

NS 6-7-74

// Ự - VỤ - LỆNH Số : 299 /SVL/NV2.

- Chiếu nhu cầu công-vụ,

I

Nay đặt thuộc quyền xử dụng của Đoàn Thanh-Tra Kiểm-Soát Tổng-Cuộc Kiều-Lộ Việt-Nam;

Bà NGUYỄN-THỊ-CÓ, Thơ-ký Công-Chánh hạng 2 tùng sự tại Sở Nhân-Viên và Huấn-Luyện thuộc Khối Hành-Chánh.

Sài-gòn, ngày 09 tháng 07 năm 1974

Tổng-Cuộc-Trưởng Kiều-Lộ

PHAN-ĐÌNH-TĂNG

NƠI-NHẬN :

- Khối Quản-Trị
- Đoàn Thanh-Tra Kiểm-Soát "Để thi hành"
- Khối Hành-Chánh
  - Sở Hành-Chánh Tổng-Quát
  - Sở Tài-Chánh Kế-Toán
  - Sở Nhân-Viên Huấn-Luyện
- Đương-Sự
- Hồ-sơ
- Lưu-trữ.

VIET NAM CONG HOA
BO QUOC PHONG
BO TONG THAM MUU QLVNCH
KHONG QUAN
KHONG DOAN 74

So 030 /KD 74/YC/DKT

GIAY PHEP XU DUNG DAT

—oooOooo—

~~Trung~~ Đại-Tá NGUYỄN HUY ANH, Tư Lệnh Không Đoàn 74.

Cho phép .

. . . . Th/uý . . Mạc . văn. Mười . . . . .

Số quân 55/6… 041. .Thuộc đơn vị . KD74 . Đà Lạt …

Chiếm dụng lô đất số . . 128 . . . . . trên họa đồ Cư-Xá Sĩ Quan Không Đoàn 74, để xây cất Cư Xá Sĩ Quan.

Đất này thuộc sở hữu của Không Đoàn 74 và không được quyền bán lại cho người khác.

Mọi việc chuyển nhượng quyền xử dụng khu đất trên phải được sự chấp thuận của Tư Lệnh Không Đoàn 74./-

K.B.C. 4.652, ngày 24 …

ĐÔ-THÀNH SAIGON

TÒA HÀNH-CHÁNH QUẬN I

Số hiệu : 158

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi (1970)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Mạc thị Kiều Trang
Phái	Nữ
Ngày sanh	Chín tháng giêng năm một ngàn chín trăm bảy mươi, 8 giờ
Nơi sanh	Saigon, 46 Mả Lộ
Tên, họ người Cha. . .	Mạc văn Mười
Tuổi	35
Nghề-nghiệp	Chăn nhân
Nơi cư-ngụ	PhúNhuận, 235 Nguyễn Huệ
Tên, họ người mẹ . . .	Nguyễn thị Cổ
Tuổi	33
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	PhúNhuận, 235 Nguyễn Huệ
Vợ chánh hay thứ . .	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 10 tháng I năm 1970

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH :

Saigon, ngày 12 tháng I năm 1970

QUẬN - TRƯỞNG QUẬN I

Phó quận Trưởng

1970

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐỊNH

XÃ TÂN SƠN HOA

BỔN TRÍCH LỤC
BỘ HÔN-THÚ

HỒ-SƠ QUÂN-NHÂN

Năm : 1969 Số hiệu : 412

Người chồng : (Tên, họ)	Mạc-văn-Mười
Sanh tại :	Làng Long-An, Vĩnh-Long
Sanh ngày :	Ngày mười bảy, tháng ba dl năm một ngàn chín trăm ba mươi lăm 1935.
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Mạc-văn-Qúi
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Trần-thị-Nhung
Người vợ : (Tên, họ)	Nguyễn-thị-Có
Vợ (chánh hay vợ thứ)	vợ chánh
Sanh tại :	Ba phước Hội (Bến Tre)
Sanh ngày :	Ngày hai mươi bốn, tháng mười hai dl năm một ngànchín trăm ba mươi bảy 1937.
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn-văn-Nhận
Mẹ vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	Ngô-thị-Sang
Ngày cưới :	Ngày 29 tháng 9 dl năm 1969

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chứng Thật Chữ Ký Của
Hộ-tịch Xã TÂN SƠN HOA
TÂN BÌNH, *ngày* 7 *tháng* 10 *năm* 1969

T. L. QUẬN TRƯỞNG

T.U.N. PHÁN-TRƯỞNG

Trưởng-Phòng

TRẦN-VĂN-QUÕNG

Trích y bổn chánh : LTKL

TÂN SƠN HOA *ngày* 29 *tháng* 9 *năm 19*69

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

LÊ-VĂN-TÂM

NGUYỄN-VĂN-THÁI

VIỆT NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TOÀ H.G.R.Q.KIEN HOA

(1) Ngày 10.10.1952

Giấy thế-vì khai sanh

cho Nguyễn thị Cố

(1) Số 1829

Trích-lục văn-kiện thế-vì hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà H.G.R.Q.KIEN HOA

Một bản chánh giấy thế-vì khai sanh

do Nguyễn thị Cố xin cấp đã được

Ô Huỳnh Hiệp Thành Chánh-Án Toà Án Kiến Hòa

với tư cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, lập ngày 10.10.1952

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải cửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

- Nguyễn thị Cố sanh ngày 24.12.1937 tại xã Đa-Phước Hội (BenTre) con của Nguyễn văn Phận và Ngô thị Sang./-

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Kiến Hòa, ngày 22 tháng 6 năm 1965

CHÁNH LỤC-SỰ,

Đoàn văn Hưởng

Lệ phí : 5$00

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

NGHI kiểm :

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA Vinhlong

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Long-An

(Extrait du registre des actes de naissance)

Vinhlong (NAM-PHẦN) (Sud-Viêtnam)

NĂM 1935 (Année) SỐ HIỆU 21 (Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénoms de l'enfant)	Mạc văn Mười
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 17 Mars 1935
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tại làng Long-An
Tên, họ cha (Nom et prénoms du père)	Mạc văn Qui
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Buôn bán
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Làng Long-An
Tên, họ mẹ (Nom et prénoms de la mère)	Trần thị Nhung
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Buôn bán
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Làng Long An
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Nhà In Ng.-văn-Huấn — Saigon

Chúng tôi, Vũ-trung-Vinh
(Nous)
Chánh-án Tòa Vinhlong
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông Huỳnh Kim Khuê
(M.)
Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit Tribunal).

Vinhlong, ngày 19-8-1960
CHÁNH-ÁN
(LE PRÉSIDENT)

Trích y bổn chánh:
(Pour extrait conforme):

Vinhlong, ngày 19-8-1960
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền: 5$00
(Coût)
Biên-lai số: 9675
(Quittance n°)

Tum-8

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN-TRE

Số: 618/LT/16-3-81

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
-:-:-:-:-:-

LỆNH THA

-:-:-:-:-:-

Tôi : TRỊNH - VĂN - NỞ
Chức vụ : Phó Chủ-Tịch

Căn cứ quyết định miễn tố ngày 1 tháng 3 năm 1981 đối với bị can LẠC-VĂN-MƯỜI, can tội : Đại-úy Trưởng Phòng Kỹ-Thuật KQ.

Căn cứ vào pháp luật hiện hành

RA LỆNH THA

Họ và tên : LẠC - VĂN - MƯỜI Bí danh :
Sinh ngày 17 tháng 3 năm 1935
Sinh quán : Vĩnh-Long
Trú quán : 239 Thích-quãng-Đức, Phú-Nhuận
Nghề nghiệp : Khi về địa phương quản chế 12 tháng.

Ông Giám thị trại tạm giam Tỉnh Bến-Tre thi hành khi nhận được lịnh này.

Lệnh này gửi đến Ông Viện Trưởng VKSND Tỉnh Bến-Tre để tường.

Ngày 4 tháng 4 năm 1981
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
CHỦ TỊCH
TRỊNH VĂN NỞ
(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận :

- Ông Viện trưởng VKSND để biết
- Ông Giám thị trại tạm giam để thi hành
- Đương sự khi về trình với địa phương để biết
- Lưu trữ.-

FROM: Mac Văn Mười
112/34/1 Đinh tiên Hoàng
quận Bình Thạnh
T.P. HCM.

NAM NAM

[illegible] Khúc Minh Thơ

TO

PAR AVION VIA AIR MAIL

THÀNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH
ỦY-BAN NHÂN-DÂN C.M.
Quận PHÚ - NHUẬN
Phường (Xã)

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu : 463
Năm 1975

Lập ngày 31 *tháng* 12 *năm* 1975

Họ tên	MẠC - QUANG - TÚ.
Trai hay gái	trai
Ngày, tháng, năm sanh	hai mươi chín tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm - 29/06/1975 - Hồi 10g30,
Nơi sanh	282 Gò Vấp (Gia Long)
Họ tên, quốc tịch cha	Mạc Văn [illegible] - VN
Họ tên, quốc tịch mẹ	Nguyễn Thị Cố - VN
Cha mẹ có hôn thú không	Có hôn thú

SAO LỤC

Thành-phố HỒ-CHÍ-MINH, *ngày* 29 *tháng* 07 *năm* 1976
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên: MẠC VĂN MƯỜI

✓ Card
___ Thơ bổ túc, cảm ơn
✓ Giấy ra trại
___ Cấp bằng, huy chương
___ Hồ sơ đầy đủ (Thơ đủ hồ sơ)
✓ Computer

- Các thứ khác :

___ Mẫu D
___ ODP list
___ Labels
___ Folder
___ Hồ sơ cần xerox
___ Hồ sơ đã chuyển ODP ngày ____________